


**A. MẪU ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ  
THẠC SỸ - ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU**

	<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HCM</b> <b>KHOA LUẬT DÂN SỰ</b> <b>BỘ MÔN LUẬT DÂN SỰ</b>
---	--

**DI SẢN THỪA KẾ**

Loại học phần:	Số tín chỉ: 02
<input type="checkbox"/> 1. Khối kiến thức chung	Số tiết học: 30
<input type="checkbox"/> 2. Khối kiến thức cơ sở bắt buộc	▪ Lý thuyết: 30
<input type="checkbox"/> 3. Khối kiến thức cơ sở tự chọn	▪ Thảo luận/thực hành:
<input type="checkbox"/> 4. Khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc	
<input checked="" type="checkbox"/> 5. Khối kiến thức chuyên ngành tự chọn	
Giảng dạy cho chương trình đào tạo:	TRÌNH ĐỘ THẠC SỸ NGÀNH LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
Học phần tiên quyết	Cá nhân – chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, Luật La Mã
Các yêu cầu khác:	Có thái độ học tập tốt, kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm

**1. Mô tả học phần**

Môn học Di sản thừa kế trình bày các vấn đề pháp lý liên quan đến thừa kế, di sản thừa kế, các hình thức thừa kế theo di chúc, thừa kế theo pháp luật. Nội dung môn học hướng tới xác định các loại tài sản được xem là di sản thừa kế cũng như cách thức thanh toán nghĩa vụ và phân chia di sản sau khi người để lại di sản chết. Từ đó, các vấn đề liên quan đến di sản thừa kế được phân tích từ cơ sở lý luận đến thực tiễn thông qua nghiên cứu các bản án, vụ việc thực tế. Đây là một trong những nền tảng của pháp luật dân sự nói chung.

**2. Mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra**

- Có những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về di sản thừa kế, các nguyên tắc về thừa

kế, thanh toán và phân chia di sản.

- Có khả năng áp dụng kiến thức để xử lý các vấn đề về xác định di sản thừa kế, cách thức thanh toán nghĩa vụ và phân chia di sản sau khi người để lại di sản chết.

- Có khả năng phân tích, bình luận văn bản pháp luật, bản án-quyết định của Tòa án cũng như giải quyết các tình huống pháp lý kết hợp lý luận và thực tiễn.

**Chuẩn đầu ra:**

<b>Sau khi hoàn thành Học phần, sinh viên có thể<sup>1</sup>:</b>	
<b>Về Kiến thức</b>	
[CLO1]	Nhớ những kiến thức cơ bản về khái niệm thừa kế, di sản, di chúc, người thừa kế, người để lại di sản
[CLO2]	Nhớ những kiến thức cơ bản về thừa kế theo di chúc, thừa kế theo pháp luật, nguyên tắc và phương thức phân chia di sản
[CLO3]	Hiểu thế nào là các yếu tố hợp thành di sản thừa kế, xác định di sản của một cá nhân cụ thể
[CLO4]	Liên kết được những quy định chung của luật dân sự với từng quan hệ dân sự cụ thể.
<b>Về kỹ năng</b>	
[CLO5]	Phát hiện ra những điểm bất cập, mâu thuẫn trong hệ thống pháp luật dân sự; đưa ra chính kiến, nhận xét cá nhân và hướng hoàn thiện.
[CLO6]	Nâng cao kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo, tự nghiên cứu.
[CLO7]	Tập luyện kỹ năng bình luận, thuyết trình trước công chúng; đàm phán để giải quyết các vấn đề liên quan đến pháp luật dân sự
[CLO8]	Nhận thức được vai trò quan trọng của luật dân sự đối với đời sống.
[CLO9]	Nâng cao kỹ năng giải quyết vụ việc thực tiễn
<b>Về thái độ</b>	
[CLO10]	Hiểu và tôn trọng sự tự do ý chí và sự bình đẳng giữa các chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự.
[CLO11]	Có tinh thần tự học, tự nghiên cứu tài liệu tại nhà

<sup>1</sup> CLO-Course Learning Outcomes-CĐR của học phần. **Quy ước:** Số lượng CLO ấn định là 15 và rải đều trên 3 nhóm CĐR như PLO của Chương trình đào tạo cử nhân Luật.

**Bảng 1. Ma trận tích hợp Chuẩn đầu ra học phần (CLO) và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO<sup>2</sup>)**

CĐR HP	CHUẨN ĐẦU RA CTĐT-PLO														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO 1	1 <sup>3</sup>														
CLO 2			3												
CLO 3				4											
CLO 4						6									
CLO 5						6									
CLO 6							7								
CLO 7							7								
CLO 8								8							
CLO 9								8							
CLO 10									9						
CLO 11										10					

### 3. Nội dung chi tiết học phần

#### Chủ đề 1

#### DI SẢN

##### 1.1. Khái niệm, đặc điểm của di sản

##### 1.2. Phân loại di sản

1.2.1. Di sản là tài sản riêng của người để lại thừa kế

1.2.2. Di sản là một phần tài sản của người để lại di sản trong khối tài sản chung với người khác

<sup>2</sup> PLO-Program Learning Outcomes-CĐR của Chương trình đào tạo: chỉ cần ghi ký hiệu của CĐR theo danh mục CĐR của Chương trình đào tạo cử nhân Luật đã được ban hành.

[mặc dù rất hiếm khi xảy ra], Nếu có tình trạng 1 CLO đáp ứng nhiều PLO, các thầy cô tự động thêm dòng, điền nội dung CLO và điền thông tin.]

<sup>3</sup> Cần nêu rõ mức độ của PLO mà CLO được phân công đáp ứng. *Quy ước* theo thang Blom

1.2.3. Di sản là các quyền tài sản

1.2.4. Di sản là các quyền tài sản phát sinh từ quyền sở hữu trí tuệ

1.2.5. Di sản là nhà ở, quyền sử dụng đất

Vấn đề thừa kế nhà ở: hạn chế người nước ngoài..., thời hiệu...

### **1.3. Những lợi ích không phải là di sản**

1.3.1. Nghĩa vụ của người để lại di sản

Nghĩa vụ phát sinh từ di sản? cách giải quyết? (phạm vi của nghĩa vụ - hiệu lực tương đối của hợp đồng?

Khi nào nghĩa vụ chấm dứt?

Thời hiệu khởi kiện đòi nợ?

1.3.2. Các lợi ích khác không phải là di sản

### **1.4. Xác định di sản trong thực tiễn xét xử**

Di sản trong trường hợp vợ chồng chết vào hai thời điểm khác nhau, mà di sản của ng2 chết trước chưa được chia.<sup>4</sup>

## **Chủ đề 2**

### **THỜI ĐIỂM MỞ THỪA KẾ**

#### **2.1. Khái niệm thời điểm mở thừa kế, qui định của pháp luật hiện hành về thời điểm mở thừa kế**

2.1.1. Khái niệm thời điểm mở thừa kế

2.1.2. Thực trạng pháp luật về thời điểm mở thừa kế

#### **2.2. Ý nghĩa pháp lý của thời điểm mở thừa kế**

2.2.1. Thời điểm mở thừa kế và thời điểm chuyển quyền sở hữu tài sản trong thừa kế

---

<sup>4</sup> Ví dụ tại Bản án 532/2012/DSPT ngày 16/5/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định “Ông Kiệt đã yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ để xác định quan hệ nhân thân của ông Sơn, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã không tiến hành thu thập chứng cứ. Việc không xác định được vợ và con trước đó của ông Sơn đã ảnh hưởng đến việc xác định kỹ phần mà bà Ngô Thị Giữ được hưởng trong khối di sản thừa kế của ông Sơn để lại, không xác định được kỹ phần cụ thể là bao nhiêu”.

2.2.2. Thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện, thời hạn trong lĩnh vực thừa kế

2.2.3. Các ý nghĩa pháp lý khác

### **2.3. Một số vấn đề pháp lý về thời điểm mở thừa kế trong thực tiễn áp dụng**

2.3.1. Khó khăn trong thực tiễn xác định thời điểm chết (cái chết sinh học: tính chính xác về thời điểm bằng giờ phút, sự khai báo không chính xác của người khai tử vì thiếu thông tin hoặc vì động cơ cá nhân, cơ quan đăng ký không phải là người trực tiếp chứng kiến mà chỉ được biết thụ động qua lời khai của người khai tử và nhân chứng...)

2.3.2. Thời điểm mở thừa kế đối với chết suy đoán - cái chết pháp lý: chọn phương án nào và những hệ quả của nó đối với các vấn đề thừa kế (xác định di sản, xác định người thừa kế, bảo đảm hiệu lực của di chúc, thực hiện quyền từ chối hưởng di sản...)

2.3.3. Thời điểm mở thừa kế và vấn đề pháp lý khác

## **Chủ đề 3**

### **NGƯỜI THỪA KẾ VÀ ĐIỀU KIỆN TRỞ THÀNH NGƯỜI THỪA KẾ HỢP PHÁP**

#### **3.1. Khái niệm người thừa kế**

3.1.1. Khái niệm

3.1.2. Các chủ thể có thể trở thành người thừa kế

#### **3.2. Điều kiện để trở thành người thừa kế hợp pháp**

3.2.1. Có quyền thừa kế đối với di sản do người chết để lại

3.2.2. Các điều kiện cụ thể khác

#### **3.3. Các trường hợp không được hưởng di sản thừa kế**

3.3.1. Người thừa kế không tồn tại vào thời điểm mở thừa kế

3.3.2. Người thừa kế từ chối nhận di sản

3.3.3. Người thừa kế bị “trước quyền thừa kế”

3.3.4. Người thừa kế bị truất quyền hưởng di sản

#### **3.4. Một số điểm bất cập phát sinh trong thực tiễn áp dụng pháp luật về điều kiện để được hưởng di sản**

3.4.1. Vấn đề xác định người thành thai vào thời điểm mở thừa kế

3.4.2. Một số vấn đề pháp lý về việc từ chối và nhường quyền hưởng di sản

3.4.3. Người bị “tước quyền” và những nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc cần được cơ quan có thẩm quyền giải thích, hướng dẫn áp dụng

## **Chủ đề 4**

### **THỜI HIỆU KHỞI KIẾN THỪA KẾ**

#### **4.1. Các loại thời hiệu về thừa kế**

4.1.1. Thời hiệu khởi kiện đòi chia di sản thừa kế

4.1.2. Thời hiệu khởi kiện đòi nợ

#### **4.2. Thực trạng pháp luật về thời hiệu khởi kiện đòi quyền thừa kế**

4.2.1. Thời hiệu khởi kiện đòi quyền thừa kế đối với các loại tài sản thường

4.2.2. Thời hiệu khởi kiện thừa kế có đối tượng là nhà ở

4.2.3. Thời hiệu khởi kiện đòi quyền thừa kế theo hướng dẫn của TAND Tối cao tại Nghị quyết 02/2004

#### **4.3. Một số vấn đề cần lưu ý trong thực tiễn xét xử**

4.3.1. Thời điểm bắt đầu tính thời hiệu khởi kiện và thời điểm chấm dứt thời hiệu khởi kiện đòi quyền thừa kế

4.3.2. Khi một bên chết trước đã hết thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế

4.3.3. Khi thời hiệu khởi kiện đã hết mà di sản thừa kế được xác định là tài sản chung của các đồng thừa kế

4.3.4. Khi thời hiệu khởi kiện các loại tài sản đã hết thời hiệu mà thời hiệu khởi kiện thừa kế phần di sản là nhà ở vẫn còn thời hiệu

4.3.5. Gián đoạn thời hiệu và bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện thừa kế

## **Chủ đề 5**

### **MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ DI CHỨC**

#### **5.1. Người lập di chúc**

5.1.1. Độ tuổi lập di chúc

5.1.2. Năng lực hành vi của người lập di chúc

## **5.2. Nội dung di chúc**

5.2.1. Các nội dung cơ bản và các nội dung khác của di chúc

5.2.2. Nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội

## **5.3. Sự tự nguyện của người lập di chúc**

5.3.1. Minh mẫn, sáng suốt

5.3.2. Hoàn toàn tự nguyện

5.3.3. Độ tuổi, tình trạng sức khỏe

## **5.4. Hình thức di chúc và thủ tục lập di chúc**

5.4.1. Di chúc miệng

5.4.2. Di chúc viết

5.4.3. Người làm chứng và người viết hộ

5.4.4. Di chúc viết tay

5.4.5. Di chúc công chứng, chứng thực và di chúc được lập theo thủ tục tương tự

5.4.6. Di chúc của những người được lập theo hình thức bắt buộc

## **5.5. Di chúc vô hiệu và di chúc thất hiệu**

## **5.6. Giải thích di chúc**

## **5.7. Các vấn đề pháp lý cần lưu ý**

5.7.1. Mối quan hệ giữa việc lập di chúc với nguyên tắc tôn trọng quyền tự do định bằng di chúc của chủ thể

5.7.2. Năng lực chủ thể lập di chúc (người bị mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực HVDS, người chưa thành niên từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi)

5.7.3. Về sự minh mẫn của người lập di chúc (sức khỏe yếu, đang cấp cứu, già cả có dấu hiệu lú lẫn hoặc mất trí...)

5.7.4. Việc quy định về các hình thức di chúc & người làm chứng

5.7.5. Di chúc lồng ghép trong các văn kiện khác (hợp đồng tặng cho, giấy ủy quyền...)

5.7.6. Quy định về giải thích di chúc còn nhiều bất cập

5.7.7. Di chúc có thể định đoạt các tài sản chưa có thật, hoặc chưa tồn tại, hoặc chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chủ quyền được không?

#### **4. Tài liệu phục vụ học phần**

##### **4.1. Giáo trình chính<sup>5</sup>**

- Trường Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh (2023), *Giáo trình Tài sản, sở hữu, thừa kế*, NXB Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.
- Trường Đại học Luật Hà Nội (2013), *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam Tập I*, NXB Công an nhân dân.

##### **4.2. Văn bản pháp luật**

Bộ luật Dân sự năm 2015

Pháp lệnh Thừa kế năm 1990.

Nghị quyết 58/1998/NQ-UBTVQH10 của Ủy ban thường vụ quốc hội (khóa 10) ngày 24// 1998 về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 1 tháng 7 năm 1991.

Nghị quyết 02/HĐTP ngày 19 tháng 10 năm 1990 của Hội đồng thẩm phán – TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế.

Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày của Hội đồng thẩm phán – TAND tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân gia đình.

Thông tư liên tịch số 01/1999/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày 25/01/1999 của TANDTC – VKSNDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Nghị quyết về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 1/7/1991 của UBTVQH.

Công văn số 91/TANDTC-KHXX ngày 28 tháng 6 năm 2011 của TAND tối cao v/v Áp dụng Nghị quyết số 1037/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 27 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Công văn số 178/2002/KHXX ngày 5 tháng 12 năm 2002 của TAND tối cao v/v giải quyết tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

Công văn số 78/KHXX ngày 19 tháng 7 năm 1997 về việc chia thừa kế mở trước ngày 1-7-1991 trong đó có di sản là nhà ở.

##### **4.3. Tài liệu tham khảo thêm**

---

<sup>5</sup> Không sử dụng quá 2 tài liệu giáo trình chính



Phạm Kim Anh (chủ nhiệm), *Pháp luật thừa kế Việt Nam từ thế kỷ 15 đến nay*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ - trường Đại học Luật TP. HCM, năm 2006.

Chế Mỹ Phương Đài, *Bàn thêm về thừa kế thế vị*, Đặc san “Khoa học pháp lý”, Số 2/2000, tr. 40.

Đỗ Văn Đại, *Luật Thừa kế Việt Nam – Bản án và bình luận bản án*, Nxb. CTQG, Hà Nội, năm 2009.

Nguyễn Ngọc Điện, *Một số suy nghĩ về thừa kế trong Bộ luật Dân sự Việt Nam*, Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 1999.

Vương Tất Đức, *Xác định phần vô hiệu của di chúc*, Tạp chí "Toà án nhân dân", Số 8/1998, tr. 20.

Vân Hà, “*Quyền về tài sản và quyền thừa kế của người chưa thành niên*”, Tạp chí toà án nhân dân, số 4/1999.

Vũ Văn Hiền, *Chế độ tài sản trong gia đình Việt Nam, Tập 2 Di Sản*, Nxb. Khai Trí, S. 1960.

Trần Thị Huệ, *Di sản thừa kế theo pháp luật dân sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Tư Pháp, H. 2011.

Trần Thị Huệ, *Điều kiện thừa kế quyền sử dụng đất trong Bộ Luật Dân Sự*, Tạp chí “Luật học”, Số Chuyên đề về Bộ Luật Dân Sự, 1996.

Trần Thị Huệ, *Thừa kế thế vị có đặt ra theo quy định tại Điều 646 và Điều 680 Bộ Luật Dân Sự không?*, Tạp chí Luật học, Số 4/1997, tr. 35.

Lê Minh Hùng, *Hoàn thiện chế định quyền thừa kế theo qui định của pháp luật Việt Nam hiện hành*, Luận văn thạc sỹ Luật học, trường Đại học Luật, thành phố Hồ Chí Minh, năm 2003.

Lê Minh Hùng, “*Thời hiệu khởi kiện thừa kế: những bất cập và hướng hoàn thiện*”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 9(9/2004).

Lê Minh Hùng, “*Bàn thêm về thời hiệu khởi kiện trong chế định quyền thừa kế*”, Tạp chí Khoa học Pháp lý, số 6/2004.

Lê Minh Hùng, “*Một số bất cập trong việc thừa nhận quyền lập di chúc chung của vợ chồng*”, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 35, tháng 08/2006, tr. 28 – 37.

Lê Minh Hùng, *Thời điểm có hiệu lực của di chúc chung của vợ chồng theo qui định của BLDS 2005*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 20, tháng 10/2009.

Lê Minh Hùng, “*Quyền từ chối nhận di sản theo qui định của BLDS 2005*”, Tạp chí Khoa học Pháp lý, số 6/2009.

Nguyễn Đình Huy, *Quyền thừa kế trong Luật La Mã cổ đại*, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 4/ 2002, tr. 52.

Thái Công Khanh, *Bàn về Điều 674 Bộ Luật Dân Sự*, Tạp chí " Toà án nhân dân ", Số 8/ 1997, tr. 10.

Thái Công Khanh, *Mấy ý kiến về Bộ luật Dân sự*, Tạp chí " Toà án nhân dân ", Số 3/ 1999, tr. 4.

Thái Công Khanh, *Bàn về quan hệ thừa kế giữa con riêng và bố dượng* , Tạp chí " Toà án nhân dân ", Số 02/2002, tr. 6.

Hoàng Thế Liên (Cb), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2005 - tập III, Phần thứ tư: Thừa kế; Phần thứ năm: Qui định về chuyển quyền sử dụng đất; Phần thứ sáu: quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ; Phần thứ bảy: Quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài*, Nxb. CTQG, H. 2010.

Hoàng Thế Liên (Cb), *Bình luận khoa học một số vấn đề cơ bản của Bộ luật Dân sự*, Nxb. Chính trị - Quốc gia, H. 1997.

Hoàng Thế Liên – Nguyễn Đức Giao (Cb), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự Việt Nam, Tập I*, Nxb. Chính trị - Quốc gia, H. 2001.

Hoàng Thế Liên – Nguyễn Đức Giao (Cb), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự Việt Nam, Tập III*, Nxb. Chính trị - Quốc gia, H. 2001.

Đoàn Đức Lương, *Một số ý kiến về Điều 673 BLDS “Di sản dùng vào việc thờ cúng”*, Tạp chí " Toà án nhân dân ", Số 9/ 2001, tr. 27.

Đoàn Đức Lương, *Xác định thời điểm mở thừa kế khi giải quyết các trường hợp thừa kế*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 15/2009.

Tường Duy Lượng, “*Thời hiệu khởi kiện vụ án thừa kế và thời điểm tính thời hiệu thừa kế quyền sử dụng đất*”, Tạp chí TAND số 21 (11) năm 2009.

Tường Duy Lượng, *Một số vấn đề trong thực tiễn xét xử các tranh chấp về thừa kế*, Nxb. Chính trị - Quốc gia, H. 2002.

Vũ Văn Mẫu, *Cổ luật Việt Nam thông khảo, quyển I*, Luật khoa Đại học Sài Gòn xb, S. 1972.

Trần Đăng Sinh, *Nguồn gốc và bản chất của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên*, Tạp chí Triết học, số I ( 119 ) tháng 02/2001, tr.43

Đình Trọng Tài, *Thừa kế hay cho ở nhờ*, Tạp chí " Toà án nhân dân ", Số 5/ 2000, tr. 30.

Phùng Trung Tập, *Luật Thừa kế Việt Nam (sách chuyên khảo)*, Nxb. Hà Nội, năm 2008.

Kiều Thanh, *Quyền tự định của người lập di chúc*, Luật học, số Chuyên đề BLDS, 1996, trang 53 – 56.

Đình Trung Tụng (chủ biên), *Bình luận những nội dung mới của BLDS năm 2005*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2005.

Nguyễn Quang Tuyên, *Một số suy nghĩ về thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 02/2003, tr.47.

Phạm Văn Tuyết, *Thừa kế - Quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng*, Nxb Chính trị Quốc gia năm 2007.

Phạm Văn Tuyết, *Xác định thời điểm có hiệu lực của di chúc*, Tạp chí “ Luật học ”, Số 3/ 1997, tr. 33.

Chu Tiến Vượng, *Về Điều 688 Bộ Luật Dân Sự*, Tạp chí Toà án nhân dân, Số 6/ 1999, tr. 5.

## 5. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học <sup>6</sup>	Nội dung	Cách thức thực hiện <sup>7</sup>
1	Khát quát về thừa kế	Thuyết giảng
2	Khái niệm, đặc điểm của di sản	Thuyết giảng

<sup>6</sup> Các GV phân bổ dung lượng bài học theo buổi học sẽ giảng dạy trên thực tế. 1 TC tương đương 15 tiết tín chỉ, 2 tiết TC là 1 ca học. Do vậy, môn có 1TC sẽ có 8 buổi, môn 2TC có 15 buổi, môn 3TC có 23 buổi.

<sup>7</sup> Tham khảo yêu cầu của Điều 4.3 Công văn 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019

1. 100% đề cương chi tiết các học phần/học phần mô tả rõ việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy/học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm.

2. Tất cả đề cương chi tiết các học phần/học phần mô tả/nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

<b>Buổi học<sup>6</sup></b>	<b>Nội dung</b>	<b>Cách thức thực hiện<sup>7</sup></b>
3	Xác định di sản trong thực tiễn xét xử	Thuyết giảng
4	Thời điểm mở thừa kế	Thuyết giảng + Thảo luận
5	Người thừa kế	Thuyết giảng + Bài tập nhóm
6	Thời hiệu khởi kiện thừa kế	Thảo luận
7	Di chúc	Thuyết giảng
8	Người thừa kế theo di chúc	Thuyết giảng
9	Thừa kế theo pháp luật	Thuyết giảng + Thảo luận
10	Thanh toán nghĩa vụ do người chết để lại	Thuyết giảng + Bài tập nhóm
11	Phân chia di sản theo di chúc	Thuyết giảng
12	Phân chia di sản theo pháp luật	Thuyết giảng
13	Hạn chế phân chia di sản	Thuyết giảng + Phân tích tình huống thực tiễn
14	Thảo luận và thuyết trình về các nội dung đã học	Thuyết trình
15	Ôn tập và kiểm tra	Kiểm tra

*[Tham khảo: Đây là thông tin rất quan trọng đối với giảng viên, sinh viên và người quản lí. Do đặc thù của hình thức tổ chức dạy học theo học chế tín chỉ, mỗi nội dung kiến thức đều được tổ chức dưới các hình thức chủ yếu: lí thuyết, thảo luận, thực hành, hoạt động theo nhóm và tự học, tự nghiên cứu.*

*Do vậy ở mỗi nội dung, giảng viên/nhóm giảng viên phải xác định được số giờ tín chỉ sẽ thực hiện ở từng hình thức trên. GV cần điền các nội dung: Buổi học, Nội dung buổi học, hình thức dạy học, công việc sinh viên cần làm trước khi đến lớp.]*

## **6. Phương thức đánh giá**



Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
<b>Rubric 2:</b> <b>Đánh giá bài tập</b>	<b>Nộp bài tập (20%)</b>	Nộp bài đầy đủ (100%); đúng thời gian quy định	Nộp bài đầy đủ (100%); hầu hết đúng thời gian quy định	Nộp bài đầy đủ (100%); một số nhất định chưa đúng thời gian quy định	Nộp bài tập khá đủ (70%); nhiều bài tập chưa đúng thời gian quy định	Không nộp bài tập
	<b>Trình bày bài tập (30%)</b>	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách, thể thức văn bản, logic chặt chẽ; hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, khoa học; ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý	Trình bày đẹp, đầy đủ, đúng quy cách, thể thức văn bản; hình vẽ, bảng biểu sử dụng rõ ràng, phù hợp; ghi chú, giải thích đầy đủ	Trình bày đúng quy cách, thể thức văn bản; hình vẽ, bảng biểu sử dụng rõ ràng, phù hợp; còn một số lỗi nhỏ về trình bày (chính tả, ghi chú)	Trình bày lộn xộn, không đúng quy cách, thể thức văn bản; hình vẽ, bảng biểu sử dụng không phù hợp	Không có bài tập
	<b>Nội dung bài tập (50%)</b>	Nội dung bài tập chính xác, đầy đủ, đúng theo yêu cầu; lập luận logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu; lập luận đúng, rõ ràng	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ, nhưng chưa thật hợp lý; còn một số sai sót trong lập luận, kiến thức.	Nội dung bài tập còn thiếu khá nhiều; một số không đúng theo yêu cầu và thiếu chính xác	Không có bài tập
<b>Rubric 3:</b> <b>Đánh giá thuyết</b>	<b>Nội dung báo cáo (50%)</b>	Hoàn toàn phù hợp với yêu cầu; sử dụng	Phù hợp với yêu cầu; sử dụng thuật ngữ	Phù hợp với yêu cầu; sử dụng thuật ngữ	Phù hợp cơ bản với yêu cầu; hình ảnh	Không có nội dung hoặc nội

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
<b>trình</b>		thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu; hình ảnh minh họa đẹp, rõ ràng, phong phú; có sử dụng video và giải thích cụ thể kiến thức trên video/bản trình chiếu	đơn giản, dễ hiểu; hình ảnh minh họa đẹp, rõ ràng, phong phú; có sử dụng video/bản trình chiếu	đơn giản, dễ hiểu; hình ảnh minh họa đẹp, rõ ràng	minh họa và giải thích chưa rõ ràng	dung không phù hợp với yêu cầu
	<b>Trình bày slide (25%)</b>	Slide trình bày có bố cục 3 phần (giới thiệu, phần chính, kết luận) rõ ràng, hợp logic; thuật ngữ được sử dụng đơn giản, dễ hiểu; thể hiện được sự thuần thực trong trình bày và sử dụng ngôn ngữ	Slide trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, hợp logic; thể hiện được sự thuần thực trong trình bày	Slide trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng, hợp logic	Slide trình bày có số lượng thích hợp; sử dụng từ và hình ảnh tương đối rõ ràng	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định
	<b>Thuyết trình</b>	Phần trình bày rất súc tích, có	Phần trình bày khá súc tích; sử	Phần trình bày theo bố cục rõ	Phần trình bày đầy đủ;	Phần trình bày không

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
	(25%)	bố cục rõ ràng; âm giọng rõ ràng, lưu loát, cuốn hút và tương tác tốt với người nghe; người nghe có thể hiểu và bắt kịp tất cả nội dung được trình bày; thời gian trình bày đúng quy định	dụng từ đơn giản, dễ hiểu; âm giọng rõ ràng, lưu loát; tương tác tốt với người nghe; người nghe có thể hiểu nội dung trình bày; thời gian trình bày đúng quy định	ràng; âm giọng vừa phải, dễ nghe; đôi lúc tương tác và người nghe có thể hiểu nội dung trình bày; thời gian trình bày đúng quy định	âm giọng thấp, một số từ không rõ; sử dụng từ còn phức tạp; chưa có tương tác; thời gian trình bày chưa đúng quy định	logic; sử dụng từ không đúng, âm giọng thấp; không rõ; người nghe không hiểu; vượt quá thời gian quy định
<b>Rubric 4:</b> <b>Đánh giá báo cáo</b>	<b>Nội dung báo cáo (60%)</b>	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu; lập luận chi tiết, rõ ràng, hợp lý, có logic chặt chẽ; kết quả lập luận chính xác, được phân tích, giải thích hoàn toàn thuyết phục	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu; trình tự lập luận hợp lý; kết quả lập luận chính xác nhưng giải thích thiếu cụ thể, ít thuyết phục	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, nhưng có phần chưa hợp lý; kết quả lập luận có chỗ chưa chính xác, giải thích không thuyết phục	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, nhưng có phần không hợp lý; kết quả lập luận không cụ thể, nhiều chỗ sai, giải thích không thuyết phục	Không có nội dung hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không đúng yêu cầu
	<b>Thuyết</b>	Có nội dung	Có nội dung	Có nội dung và	Có nội dung	Không có



Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
	<b>minh báo cáo (20%)</b>	hoàn toàn phù hợp; cấu trúc logic chặt chẽ; hình ảnh, bảng biểu và các ghi chú hợp lý; sử dụng rất thành thạo máy tính khi trình bày thuyết minh	khá phù hợp; cấu trúc logic khá chặt chẽ; hình ảnh, bảng biểu và các ghi chú hợp lý; sử dụng khá thành thạo máy tính khi trình bày thuyết minh	trình tự trình bày phù hợp; hình ảnh, bảng biểu và các ghi chú chưa đầy đủ; còn một số lỗi về trình bày và chính tả; sử dụng được máy tính khi trình bày	phù hợp nhưng trình tự trình bày không hợp lý; hình ảnh, bảng biểu còn nhiều mâu thuẫn với nội dung; nhiều hạn chế trong việc sử dụng được máy tính	thuyết minh hoặc thuyết minh không đáp ứng yêu cầu hay không đúng với nội dung báo cáo
	<b>Biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh (20%)</b>	Số lượng, nội dung biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định; kích thước, bố cục, ghi chú rất hợp lý; thể hiện việc sử dụng thành thạo biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh; có	Số lượng, nội dung biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định; kích thước, bố cục, ghi chú trên các biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh hợp lý; thể hiện việc sử dụng khá thành thạo	Số lượng, nội dung biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định; kích thước, bố cục, ghi chú trên các biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh rõ ràng; sử dụng được công cụ soạn thảo văn	Số lượng, nội dung biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định; kích thước, bố cục, ghi chú trên các biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh không rõ ràng, có chỗ	Không có, hoặc biểu đồ, sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh không đáp ứng yêu cầu, không đúng với nội dung báo cáo

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
		thể ứng dụng kiến thức đã nghiên cứu vào học tập và đời sống	công cụ soạn thảo văn bản trên máy tính;	bản trên máy tính; có một số lỗi về chính tả.	bị thiếu; sử dụng công cụ soạn thảo văn bản trên máy tính còn nhiều hạn chế	
<b>Rubric 5: Đánh giá làm việc nhóm</b>	<b>Tô chức nhóm (30%)</b>	Nhiệm vụ công việc rõ ràng, cụ thể, phù hợp với khả năng, phát huy được thế mạnh từng thành viên	Nhiệm vụ công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng của từng thành viên	Nhiệm vụ công việc rõ ràng, nhưng có phần chưa phù hợp với khả năng của từng thành viên	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên không cụ thể	Không có nhóm hoặc không làm việc nhóm
	<b>Chuyên cần(20%)</b>	Tham gia 90-100 (%)	Tham gia 75-<90 (%)	Tham gia 55-<75 (%)	Tham gia 40-<55 (%)	<40 (%)
	<b>Thảo luận nhóm (30%)</b>	Luôn tham gia thảo luận nhóm; có đóng góp tích cực và hiệu quả cho các cuộc thảo luận nhóm	Luôn tham gia và có đóng góp tích cực cho các cuộc thảo luận của nhóm	Có tham gia và có đóng góp cho các cuộc thảo luận của nhóm	Thỉnh thoảng có tham gia và ít đóng góp cho thảo luận nhóm	Không tham gia thảo luận nhóm
	<b>Phối hợp nhóm (20%)</b>	Tích cực hợp tác, phối hợp với các thành viên và với	Luôn hợp tác, phối hợp với thành viên và với nhóm; tôn	Có hợp tác, phối hợp với thành viên và với nhóm; có	Thỉnh thoảng có hợp tác, phối hợp nhóm; ít chia	Không hợp tác và phối hợp nhóm

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
		nhóm; luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm với thành viên	trọng và chia sẻ kinh nghiệm với thành viên	chia sẻ kinh nghiệm với thành viên	sẻ kinh nghiệm với thành viên	
<b>Rubric 6:</b> <b>Tham gia các buổi hướng dẫn làm bài tập lớn theo nhóm của giảng viên</b>	Tổ chức nhóm (20%)	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng, phù hợp với năng lực từng người; sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rõ ràng, phù hợp với năng lực từng người; sự phối hợp làm việc của nhóm tốt	Mỗi thành viên trong nhóm có nhiệm vụ riêng những chưa rõ ràng, chưa thật phù hợp với khả năng của mỗi người; sự phối hợp làm việc chưa thật sự tốt	Trách nhiệm, việc làm của mỗi thành viên nhóm không rõ ràng; không phù hợp với khả năng của mỗi người; chưa có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên	Nhóm bị phá vỡ; các thành viên không được phân công nhiệm vụ; không có liên kết, phối hợp nhóm
	Chuyên cần (10%)	90-100 (%)	75-<90(%)	55-<75(%)	40-<55(%)	<40(%)
	Thảo luận (20%)	Tích cực tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến rất hiệu quả cho hoạt động của nhóm	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm, đóng góp ý kiến có hiệu quả cho hoạt động của nhóm	Có tham gia thảo luận nhóm; một số ý kiến đóng góp có hiệu quả cho hoạt động của nhóm	Hiếm khi tham gia thảo luận nhóm; ít có ý kiến đóng góp trong nhóm	Không tham gia và không thực hiện thảo luận nhóm
	Nội dung	Đầy đủ 100%	Đầy đủ 100%	Nội dung lập	Nội dung lập	Không có

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
	theo quy định (20%)	nội dung lập luận theo quy định; trình tự lập luận hợp lý; kết quả lập luận đúng; sử dụng phần mềm lập luận hợp lý	nội dung lập luận theo quy định; trình tự lập luận hợp lý; kết quả lập luận đúng; có sử dụng phần mềm lập luận nhưng chưa thật hợp lý	luận đầy đủ theo tiến độ quy định; trình tự lập luận hợp lý; một số kết quả lập luận có sai sót, nhầm lẫn	luận không đầy đủ (<50%); kết quả lập luận có nhiều sai sót, nhầm lẫn; trình tự các bước lập luận không hợp lý	nội dung lập luận
	Trình bày thuyết minh (15%)	Nội dung rất phù hợp; cấu trúc hợp lý; hình vẽ, bảng biểu, chú thích được trình bày khoa học; sử dụng phần mềm trong thuyết minh hiệu quả	Nội dung phù hợp; cấu trúc thuyết minh rõ ràng; ghi chú, giải thích, hình vẽ, bảng biểu đầy đủ, ít sai sót	Nội dung trình bày trong thuyết minh phù hợp; tuy nhiên còn một số lỗi chính tả, nhầm lẫn về ghi chú, giải thích các kiến thức, thông số, bảng biểu...	Trình bày thuyết minh lộn xộn, không đúng trình tự, hình vẽ, bảng biểu; ký hiệu được sử dụng trong thuyết minh không phù hợp	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh sơ sài và quá nhiều sai sót
	Bản file kết quả (15%)	Thể hiện đầy đủ, rất chi tiết và khoa học; sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo; có thể ứng dụng	Thể hiện đầy đủ, đúng nội dung theo yêu cầu; sắp xếp, trình bày file kết quả hợp lý, đúng thể thức	Thể hiện đầy đủ các hình ảnh theo yêu cầu song sắp xếp chưa phù hợp, còn một số lỗi nhỏ về trình	Thể hiện không đầy đủ, không rõ ràng; chi tiết các thành phần, nội dung file kết	Không có hoặc file kết quả quá sơ sài; nội dung theo yêu cầu không đúng

Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá (trọng số)	Mức độ đạt chuẩn quy định				
		Mức A (8.5-10)	Mức B (7.0-8.4)	Mức C (5.5-6.9)	Mức D (4.0-5.4)	Mức F (0.0-3.9)
		kiến thức đã nghiên cứu vào học tập và đời sống	văn bản; ghi chú rõ ràng, chi tiết	bày; nội dung file kết quả đúng yêu cầu, ghi chú đầy đủ	quả đúng yêu cầu song có nhiều sai sót, chưa đúng về thể thức văn bản; ghi chú không phù hợp	

### 8. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Lên lớp đúng giờ, theo lịch trình đã có Trình bày đầy đủ và căn bản nội dung theo yêu cầu của từng buổi học
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia lớp đúng giờ, làm bài tập và các công việc khác theo yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp	Đầy đủ, đúng giờ quy định
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc, không làm việc riêng
Quy định về học vụ	
Các quy định khác	

### 9. Thông tin liên hệ

Bộ môn/Khoa phụ trách:	Bộ môn Luật Dân sự, Khoa Luật Dân sự
Văn phòng:	A202, CS Nguyễn Tất Thành
Điện thoại:	02839400989
Người phụ trách:	TS. Nguyễn Phương Thảo
Email:	npthao@hcmulaw.edu.vn

### 10. Thông tin cán bộ tham gia giảng dạy

#### *Giảng viên giảng dạy:*

Tên: Nguyễn Phương Thảo

Học vị: Tiến sĩ

Email: npthao@hcmulaw.edu.vn		Số điện thoại cơ quan: 02839400989
<b>Giảng viên hỗ trợ (trợ giảng):</b>		
Tên:		Học vị:
Email:		Số điện thoại cơ quan:
Cách liên lạc với giảng viên:	<b>Trực tiếp hoặc qua email</b>	

<b>NGƯỜI BIÊN SOẠN</b>	<b>TRƯỞNG BỘ MÔN</b>	<b>CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KHOA</b>
<b>Nguyễn Phương Thảo</b>	<b>Nguyễn Phương Thảo</b>	<b>Nguyễn Xuân Quang</b>